

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 10- 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Cao Minh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

(Chị V có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị V trình bày:

Chị Trần Thị V và anh Cao Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống ở H. Từ năm 2018, hai vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình; bên cạnh đó hai vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V xác

định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Cao Hải A, sinh ngày 28/09/2013 và cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 10/12/2021. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị V. Khi ly hôn, chị V đề nghị được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Minh H trình bày:

Anh và chị Trần Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống hàng ngày, hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn đến mức phải ly hôn. Hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn 02 tháng. Nay chị V xin ly hôn, anh H không nhất trí và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Họ, tên, ngày tháng năm sinh của con chung đúng như chị V đã trình bày. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị V. Nếu việc ly hôn xảy ra, anh H xin được nuôi cả cháu Cao Hải A và cháu Cao Ngọc A; anh H không đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Cao Minh H.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cả 02 con chung là cháu Cao Hải A và cháu Cao Ngọc A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Cao Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh H có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị V và anh Cao Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 09/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V và anh H có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Qua việc xác minh ý kiến của chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đ cho biết: chị V và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; quá trình anh chị xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, do chị V và anh H không thường xuyên ở địa phương. Nay chị V và anh H xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Chị V và anh H đã có thời gian sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Anh H có nguyện vọng xin được đoàn tụ nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị V vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh H. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị V được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị V và anh H có 02 con chung là cháu Cao Hải A, sinh ngày 28/09/2013 và cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 10/12/2021. Chị V và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

Xét về điều kiện nuôi con: Chị V xuất trình tại Tòa án bằng lương để chứng minh thu nhập và điều kiện nuôi con. Anh H không xuất trình tại liệu chứng cứ gì. Thực tế, hai bên đều thừa nhận, từ khi ly thân chị V đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Cháu Cao Ngọc A hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi. Cháu Cao Hải A có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy chị V có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị V có đủ điều kiện về công việc thu nhập ổn định để nuôi dưỡng các con; để đảm bảo cho các cháu có sự ổn định, tránh làm ảnh hưởng xáo trộn về mặt tâm lý và sinh hoạt của các cháu, giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V do chị V không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị V và anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Cao Minh H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Cao Hải A, sinh ngày 28/09/2013 và cháu Cao Ngọc A, sinh ngày 10/12/2021 kể từ ngày 10/10/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V do chị V không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0003780 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trần Thị V có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Cao Minh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

